

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lịch sử; Chuyên ngành: Lịch sử ngoại giao và quan hệ quốc tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Võ Xuân Vinh

2. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Minh Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 25B, ngách 264/47, Tờ 13, Ngõ 264, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0914532121;

E-mail: voxvinh@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11/2006 đến tháng 4/2012: Nghiên cứu viên, Phòng Nghiên cứu Ấn Độ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á;

- Từ tháng 4/2012-10/2012: Nghiên cứu viên, Phòng Nghiên cứu Chính trị xã hội, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á;

- Từ tháng 10/2012-7/2016: Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu Chính trị và Quan hệ Quốc tế, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á;
- Từ tháng 7/2007 đến tháng 7/2012: Ủy viên Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam;
- Từ tháng 7/2012 đến tháng 7/2017: Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam;
- Từ tháng 10/2012 đến tháng 10/2017: Ủy viên Thường vụ Đoàn Khối các cơ quan Trung ương;
- Từ năm 2013 đến năm 2020: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (Nhiệm kỳ 2011-2015 và Nhiệm kỳ 2015-2020);
- Từ tháng 5/2015 đến tháng 5/2020: Chi ủy viên, Chi bộ Viện Nghiên cứu Đông Nam Á;
- Từ tháng 8 năm 2016 đến nay: Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á;
- Từ tháng 6/2020 đến nay: Phó Bí thư Chi bộ Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Chức vụ hiện nay: Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02436824230

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: (1) Học viện Khoa học xã hội (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam); (2) Trường Đại học Văn hóa Hà Nội; (3) Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn (Đại học Quốc gia Hà Nội).

8. Đã nghỉ hưu: Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): (1) Trường Đại học Văn hóa Hà Nội; (2) Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn (Đại học Quốc gia Hà Nội).

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 23 tháng 6 năm 2003; số văn bằng: QC 016502; ngành: **Đông Phương học**; Nơi cấp bằng: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ: **Không**

- **Được cấp bằng Tiến sĩ** ngày 06 tháng 02 năm 2012; số văn bằng: 000895; ngành: **Sử học**; Nơi cấp bằng TS: Học viện Khoa học xã hội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH: **Không**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: không.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học xã hội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sử học-Khảo cổ học-Dân tộc học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Chính sách Hướng Đông/Hành động phía Đông của Ấn Độ, quan hệ Ấn Độ-ASEAN, quan hệ Việt Nam-Ấn Độ.
- ASEAN, các vấn đề biển (với trọng tâm là Biển Đông).
- Một số quốc gia Đông Nam Á như Myanmar, Thái Lan.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **02** NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ.
- Đã hướng dẫn **07** HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.
- Đã công bố **44** bài báo khoa học, trong đó **03** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã công bố **07** chương sách quốc tế, trong đó có **02** chương sách quốc tế uy tín (Routledge).
- Số lượng sách đã xuất bản: **06**, trong đó **01** thuộc nhà xuất bản quốc tế uy tín (Routledge), **05** cuốn thuộc các nhà xuất bản uy tín trong nước (Nxb. Khoa học xã hội, Nxb. Thế giới).

15. Khen thưởng (Bằng khen trở lên):

1. Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc “*Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm 2007*” (Quyết định số 929/KT ngày 3/8/2007).
2. Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc “*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2014*” (Quyết định số 990/QĐ-KHXH ngày 15/5/2015).
3. Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc “*Là Bí thư Đoàn cấp huyện tiêu biểu toàn quốc đạt giải thưởng Lý Tự Trọng năm 2015*” (Quyết định số 113-QĐ/TWĐTN ngày 16/3/2015).
4. Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc “*Đã có thành tích xuất sắc 02 năm liên tục (2014-2015) đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở*” (Quyết định số 19/QĐ-KHXH ngày 6/1/2016).
5. Bằng khen của Ban Chấp hành Đoàn Khối các cơ quan Trung ương về “*Đã có nhiều đóng góp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên giai đoạn 2012-2017*” (Quyết định số 25-QĐ/ĐTNK-VP ngày 22/1/2018).
6. Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc “*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2018*” (Quyết định số 658/QĐ-KHXH ngày 16/5/2019).

7. Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc “*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2022*” (Quyết định số 587/QĐ-KHXH ngày 12/5/2023).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một nghiên cứu viên, giảng viên thỉnh giảng tại một số cơ sở đại học, sau đại học và là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bản thân tôi luôn cố gắng rèn luyện, phấn đấu trau dồi kiến thức chuyên môn, giữ gìn phẩm chất đạo đức của một nhà nghiên cứu và của một nhà giáo, luôn hết mình với công việc được giao. Riêng đối với lĩnh vực giáo dục, tôi đã dành nhiều tình yêu, niềm đam mê và cả lương tâm, trách nhiệm của một người giảng viên để cống hiến sức lực, trí tuệ cho sự nghiệp giáo dục thông qua các bài giảng trên lớp cũng như hướng dẫn nghiên cứu sinh hoàn thành luận án tiến sĩ và học viên cao học hoàn thành luận văn thạc sĩ.

Trong quá trình học tập và công tác, tôi đã không ngừng học hỏi, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của đơn vị đặt ra. Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đã theo học nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu, từng bước tham gia vào công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, bản thân tôi cũng thường xuyên rèn luyện tiếng Anh và tin học để đáp ứng yêu cầu ngày một cao của công tác nghiên cứu và giảng dạy.

Là một công dân Việt Nam, tôi luôn có ý thức chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tôi nghiêm túc chấp hành các quy định của đơn vị công tác (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á). Ở nơi tham gia giảng dạy với tư cách là một giảng viên thỉnh giảng (Học viện Khoa học xã hội, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn-Đại học Quốc gia Hà Nội), tôi nghiêm túc tuân thủ giờ giấc làm việc, phát huy tốt nhất kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm, giữ gìn tư cách đạo đức của một nhà giáo; hoàn thành các môn học với chất lượng cao và trong thời gian quy định. Ở các cương vị khác (như trong công tác Đảng và công tác Đoàn), tôi đều trách nhiệm, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Với những nỗ lực đó, cá nhân tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; được Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam tặng nhiều bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học. Các môn học của tôi được thực hiện tốt với sự đánh giá cao của học viên, sinh viên, được các cơ sở đào tạo đánh giá tốt.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **6 năm 6 tháng**, cụ thể như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1.	2015-2016 (Học viện KHXH)			01			30/105/270	30/105/270
	Tổng 2015-2016						30/105/270	30/105/270
2.	2016-2017 (Học viện KHXH)			01			60/160/270	60/160/270
	Tổng 2016-2017						60/160/270	60/160/270
3.	2018-2019 (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội)					66/89,36/270		66/89,36/270
	2018-2019 (Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội)		01				0/15/270	0/15/270
	2018-2019 (Học viện KHXH)			01			0/70/270	0/70/270
	Tổng 2018-2019					66/89,36/270	0/85/270	66/174,36/270
	2019-2020 (Trường Đại							99/143,5/270

*- Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	học Văn hóa Hà Nội)					99/143,05/270		
	2019-2020 (Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội)		01				0/25/270	0/25/270
	2019-2020 (Học viện KHXH)			01			0/70/270	0/70/270
	Tổng 2019-2020					99/143,05/270	0/105/270	99/248,05/270
03 năm học cuối								
5.	2020-2021 (Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội)					90/117/270	0/30/270	90/140/270
	Tổng 2020-2021					90/117/270	0/30/270	90/147/270
6.	2021-2022 (Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội)					90/112,5/270		90/112,5/270
	2021-2022 (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội)					99/129,59/270		99/129,59/270
	Tổng 2021-2022					189/242,09/270		189/242,09/270
7.	2022-2023 (Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội)					45/54/270		45/54/270
	2022-2023 (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội)					99/108,6/270		99/108/270
	Tổng 2022-2023					144/162,6/270		144/162,6/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: **Không**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: **Không**

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Học tiếng Anh như là một môn học trong nhà trường.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): **Chứng chỉ Tiếng Anh B2**. Quyết định số 1221/QĐ-ĐHNN, Số hiệu: CC009689, ngày 05/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phùng Gia Bách	✓			✓	10/12/2018-23/9/2022 (QĐ thành lập Hội đồng chấm luận án cấp Trường)	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Quyết định công nhận và cấp bằng số 1212/QĐ-ĐHSPHN ngày 26/4/2023.
2	Trương Thị Mĩ		✓	✓		24/2/2015-08/1/2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Số hiệu bằng: A126803 ngày 08/01/2016.
3	Lê Huy Chương		✓	✓		12/9/2019-27/2/2020	Học viện Khoa học xã hội	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 2080/QĐ-KHXH ngày 09/07/2020.
4	Lê Minh Lộc		✓	✓		22/2/2018-22/8/2018	Học viện Khoa học xã hội	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 6102/QĐ-KHXH ngày 16/11/2018.
5	Phạm Nguyễn Hồng Châu		✓	✓		21/9/2017-21/3/2018	Học viện Khoa học xã hội	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 3118/QĐ-KHXH ngày 18/6/2018.
6	Phạm Mai Phương		✓	✓		23/3/2017-30/8/2017	Học viện Khoa học xã hội	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 6920/QĐ-

								KHXH ngày 14/11/2017.
7	Đào Thị Hương		✓	✓		04/7/2016-30/12/2016	Học viện Khoa học xã hội	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 6102/QĐ-KHXH ngày 31/5/2017.
8	Phùng Quang Thắng		✓	✓		24/8/2015-30/1/2016	Học viện Khoa học xã hội	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 2291/QĐ-KHXH ngày 13/5/2016.
9	Hoàng Minh Hồng	✓			✓	Quyết định 853/QĐ-XHNV ngày 3/4/2018 của Hiệu trưởng trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định 689/QĐ-XHNV ngày 3/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV thành lập Hội đồng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội đánh giá luận án tiến sĩ

Trong đó, việc hướng dẫn NCS **Phùng Gia Bách** [1] và **học viên cao học Trương Thị Mĩ** chỉ dùng để tính điều kiện hướng dẫn luận văn, luận án. Giờ hướng dẫn các HVCH và NCS còn lại được dùng để tính giờ chuẩn giảng dạy.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	ASEAN trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ	Chuyên khảo	Nxb. Khoa học xã hội, năm 2013 ISBN: 9786049022784	01	(sách cá nhân)	Toàn bộ sách	Xác nhận số 1852/XHNV-ĐT ngày 30/5/2023 của Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2	Quan hệ Australia - ASEAN hai thập niên	Chuyên khảo	Nxb. Khoa học xã hội, năm 2013 ISBN:	05	X	Chủ biên	Xác nhận số 1852/XHNV-ĐT ngày 30/5/2023 của Trường Đại học

đầu thế kỷ XXI	9786043084740	KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội
----------------	---------------	----------------------------------

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Cạnh tranh chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Đông Nam Á từ năm 1991 đến năm 2021	Chủ nhiệm	HĐ số: HĐ-506.01-2019.10 ngày 30/5/2019 của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) Cấp Nhà nước (Nafosted) Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: 2022-62-0131/KQNC	5/2019-5/2021	9/11/2021 Đạt
2	50 năm quan hệ Việt Nam-Australia	Chủ nhiệm	HĐ số 228/HĐKH-KHXH ngày 22/12/2020 Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (cấp Bộ) Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: 2023-62-0184/NS-KQNC	1/2021-12/2022	15/12/2022 Xuất sắc
3	Quan hệ Australia-ASEAN từ năm 2001 đến năm 2020	Chủ nhiệm	HĐ số 128/HĐKH-KHXH ngày 28/12/2018 Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (cấp Bộ) Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: 2021-62-	1/2019-12/2020	16/11/2020 Khá

			121/NS-KQNC		
4	Hợp tác an ninh phi truyền thống trên biển ở Đông Nam Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam	Chủ nhiệm	HĐ số 65/HĐKH-KHXH ngày 9/1/2017 Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (cấp Bộ)	1/2017-12/2018	24/3/2019 Xuất sắc
5	Biến đổi chính trị, kinh tế ở Myanmar và tác động đến khu vực và Việt Nam	Chủ nhiệm	HĐ số 178/HĐKH-KHXH ngày 25/1/2013 Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (cấp Bộ)	1/2013-12/2014	11/5/2015 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, sách, chương sách, bài kỹ yếu hội thảo được công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	New Developments in Vietnam-India Relations	01	X	World Focus ISSN: 2230-8458			No.383-384 pp.904-909	Nov-Dec. 2011
2	Chính sách hướng Đông của Ấn Độ và vị thế của Việt Nam	01	X	Trong: Đào Việt Trung (cb), <i>Ấn Độ và quan hệ Việt Nam-Ấn Độ</i>	Nxb. Thế giới		tr.148-161	2011
3	Một số nội dung cơ bản trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2793			Số 10 (115), tr.55-61	10/2009
4	Philippin và tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2793			Số 9 (90), tr.25-33	9/2007
5	Chính sách hướng Đông của Ấn Độ: các nguyên nhân hình thành	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2793			Số 3 (72), tr.63-69	6/2005

6	Việt Nam trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2793			Số 2 (71), tr.46-52	4/2005
Sau khi được công nhận TS								
BÀI BÁO THUỘC TẠP CHÍ SCOPUS, SÁCH VÀ CHƯƠNG SÁCH UY TÍN								
7	India's Engagement in the South China Sea	03	X	Maritime Affairs: Journal of the National Maritime Foundation of India ISSN: 0973-3159 (1946-6609)	Scopus Q4		Vol.1, No.2, pp.64-77	2021
8	India in Vietnam's Foreign Policy	01	X	Strategic Analysis ISSN: 0970-0161	Scopus Q3		Vol.44, No.1, pp.31-44	2020
9	Vietnam-India Maritime Cooperation	01	X	Maritime Affairs: Journal of the National Maritime Foundation of India ISSN: 0973-3159 (1946-6609)	Scopus Q4		Vol.13, No.1, pp.63-72	2017
10	India, Vietnam and the Indo-Pacific: Expanding Horizons	02	Đồng tác giả (2 tác giả)	ISBN: 9780367492663	Nxb. Routledge, London and New York			2020
11	India's Role in Ensuring Stability and Security in the South China Sea	01	X	in: Satish Chandra and Baladas Ghoshal (eds), <i>The Indo-Pacific Axis: Peace and Prosperity or Conflict</i> , ISBN: 978-1-138-58942-1	Nxb. Routledge, London and New York		pp.155-176	2018
12	Social Science Research in Vietnam: Strategies, Issues and Prospects	01	X	In: R.K.Mishra, Jayasree Reveendran and K.N. Jehangir (Eds.), <i>Social Science Research in India and the World</i> , ISBN: 978-1-138-89845-5 (hbk); 978-1-315-68435-2 (ebk)	Nxb. Routledge, London and New York		pp.95-112	2015
CÁC BÀI BÁO ĐĂNG TRÊN CÁC TẠP CHÍ QUỐC TẾ KHÁC								
13	China Applying The Theory Of "Horizontal	03	X	NAM TODAY ISSN: 2347-3193			Vol.CIXVI, No.6,	June 2022

	Alliance” To Break The “Vertical Alliance” of ASEAN Countries in the South China Sea						pp.14-20	
14	China-Myanmar Economic Corridor: A Perspective From Vietnam	03	X	NAM TODAY ISSN: 2347-3193			Vol. CIXV, No.3, pp.6-12	March 2022
15	India-China Strategic Competition in Myanmar	02	X	NAM TODAY ISSN: 2347-3193			Vol. CIV, No.05, pp.19-24	May-June 2021
16	China’s Influence in Myanmar and Implications for India	04	X	Jindal Journal of International Affairs			Vol.1, No.5, pp.10-27	June 2021
17	Indonesia in India’s Act East Policy - A Perspective from Vietnam	02	X	NAM TODAY ISSN: 2347-3193			Vol. CI, No. 02, pp.11-15	February 2021
18	India-Vietnam Relations under Modi 2.0: Prospects and Challenges	01	X	ISEAS Perspective ISSN: 2335-6677			No.82	2019
19	The South China Sea in India’s Perception of Indo-Pacific	01	X	World Focus ISSN: 2230-8458			No.460, pp.46-52	April 2018
20	India’s Act East Policy – A Perspective from Vietnam	01	X	World Focus ISSN: 2230-8458			No.443, pp.45-52	November 2016
21	ASEAN’s Approach to Myanmar	01	X	Himalayan and Central Asian Studies ISSN: 0971-9318			Vol.18, Nos.1-2, pp.21-34	January – June 2014
22	India’s Stand on the East Sea/South China Sea Disputes and Its Implications	01	X	World Focus ISSN: 2230-8458			No.397 pp.20-25	January 2013

23	Realizing a Code of Conduct for Maintaining and Promoting Peace and Stability in the South China Sea	01	X	World Focus ISSN: 2230-8458			No.390, pp.24-27	June 2012
24	Vietnam-India Relations in the Light of India's Look East Policy	01	X	Sapru House Paper ISBN: 978-81-926825-4-9	Indian Council of World Affairs		No.2	2012
BÀI BÁO ĐĂNG TRÊN CÁC TẠP CHÍ UY TÍN TRONG NƯỚC								
25	Quan hệ Việt Nam-Australia từ năm 1973 đến năm 1991	02	X	Nghiên cứu Lịch sử ISSN: 0866-7497			Số 8 (556), tr.62-71	8/2022
26	ASEAN-Uu tiên trong chính sách của các nước lớn	01	X	Tạp chí Cộng sản			Số 988, tr.105-111	4/2022
27	Australia với vấn đề Biển Đông	02	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 2 (263), tr.3-14	2/2022
28	Việt Nam trong Chính sách Hướng Đông/Hành động phía Đông của Ấn Độ	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á ISSN: 0866-7314			Số 1 (110), tr.34-42	1/2022
29	Về cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế	01	X	Khoa học Xã hội Việt Nam ISSN: 1013-4328			Số 5, tr.32-46	5/2021
30	Đảo chính quân sự ngày 01/2/2021 ở Myanmar	03	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 3 (252), tr.3-12	3/2021
31	Kết quả và những nỗ lực của Việt Nam trong việc đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020	01	X	Tạp chí Cộng sản			Số 957, tr.106-111.	1/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

32	Tác động của nhân tố Ấn Độ đến an ninh và phát triển của Việt Nam	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á ISSN: 0866-7314			Số 3 (88), tr.20-28	3/2020
33	Chính sách của Australia đối với ASEAN từ năm 1991 đến nay	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 1 (238), tr.18-26	1/2020
34	Hợp tác bảo vệ môi trường biển ở Đông Nam Á	01	X	Thông tin Khoa học xã hội ISSN:0866-8647			Số 8 (440), tr.21-28.	8/2019
35	Quan hệ Philippines-Trung Quốc sau ba năm cầm quyền của Tổng thống R. Duterte	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 5 (230), tr.3-10.	5/2019
36	Vietnam-Cambodia-Laos Cooperation Against Drug and Human Trafficking: Achievements, Issues and Solutions	01	X	Southeast Asian Studies ISSN: 0868-2739			Số tiếng Anh, tr.3-12.	2018
37	45 năm nghiên cứu quan hệ quốc tế của Đông Nam Á: thành tựu và những vấn đề đặt ra	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 10, tr.40-50	10/2018
38	Xiêm trước sự xâm nhập của các nước phương Tây từ đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX	01	X	Nghiên cứu Lịch sử ISSN: 0866-7497			Số 8 (508), tr.65-73	8/2018
39	Nạn cướp biển ở Đông Nam Á từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc đến nay	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 6 (219), tr.10-17	6/2018
40	ASEAN's in Taiwan's New	01	X	Southeast Asian Studies			Số tiếng Anh 2017,	2017

	Southbound Policy			ISSN: 0868-2739			tr.35-43	
41	Nguyên tắc đồng thuận của ASEAN: vai trò và những thách thức đối với ngăn ngừa xung đột ở Biển Đông	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 8 (209), tr.54-60	8/2017
42	Thuận lợi, thách thức đối với chính phủ mới ở Myanmar và hàm ý cho Việt Nam	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 4 (193), tr.20-28	4/2016
43	Kinh nghiệm của Indonesia và Thái Lan trong việc đảm bảo an ninh con người	02	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 12 (189), tr.19-28	12/2015
44	Tiến trình dân chủ hóa ở Myanmar từ năm 2011 đến nay: thành tựu và thách thức	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 9 (186), tr.3-10	9/2015
45	Vài nét về quan hệ kinh tế Ấn Độ-Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI	01	X	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới ISSN: 0868-2984			Số 2 (226), tr.19-26	2/2015
46	Hòa hợp dân tộc ở Myanmar từ năm 2011 đến nay: kết quả và những thách thức đặt ra	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 8 (173), tr.3-10	8/2014
47	Quan điểm của Ấn Độ về tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông và tác động đến quan hệ Việt Nam-Ấn Độ	01	X	Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN: 0868-2739			Số 2 (155), tr.3-11	2/2013
48	The ASEAN Political - Security Community	01	X	Vietnam Social Sciences ISSN: 1013-4328			No.6 (152), pp.8-15	6/2012

	Building Challenges and Prospects							
CÁC CHƯƠNG SÁCH XUẤT BẢN QUỐC TẾ KHÁC								
49	ASEAN Centrality and the Role of India	01	X	In: Gundre Jayachandra Reddy (ed.), <i>India-ASEAN Partnership : A Game Changer in the Indo-Pacific</i> , ISBN: 9789293402141	New Delhi: Uday Publishing House		pp.88-105	2023
50	Understand ASEAN Outlook on the Indo-Pacific	01	X	In: Vijay Sakhuja & Anu Maria Francis (eds.), <i>Strengthening International Cooperation through the Indo Pacific Oceans Initiative</i> , ISBN: 9788195518005	Centre for Public Policy Research (India), and Monash University (Australia)		pp.29-42	2022
51	Maritime Security in India's Perception of the Indo-Pacific Concept	01	X	In: Lalit Mansingh, Anup K. Mudgal, Udai Bhanu Singh (eds.) <i>Purbasa: East Meets East: Synergising the North-East and Eastern India with the Indo-Pacific</i> , ISBN:9789386618641	New Delhi: Pentagon Press LLP		pp.70-83	2019
52	India's Strategic Partnership: A Perspective from Vietnam	01	X	In: Namrata Goswami (ed.), <i>India's Approach to Asia: Strategy, Geopolitics and Responsibility</i> , ISBN: 9788182748705	New Delhi: Pentagon Press		p.115-126	2016
53	India and the Concept of Indo-Pacific	01	X	In: Rumel Dahiya and Udai Bhanu Singh (Eds.), <i>Delhi Dialogue VI: Realising the ASEAN-India Vision for Partnership and Prosperity</i> , ISBN: 9788182748293	New Delhi: Pentagon Press		pp.100-114	2015
THAM LUẬN ĐĂNG TRONG KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ								
54	50 năm quan hệ chính trị Việt Nam-Ấn Độ	01	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: <i>50 năm quan hệ ngoại giao</i>	Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội		tr.54-67	2023

				Việt Nam-Ấn Độ: hình lại và hướng tới (Phạm Cao Cương và Phan Cao Nhật Anh chủ biên) ISBN: 9786043644487				
55	ASEAN-EU Strategic Partnership: A Perspective from ASEAN	01	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế: <i>Enhancing ASEAN- EU Strategic Partnership in the New Context of the Indo-Pacific Region</i> , Trường Đại học Duy Tân, ISBN: 9786043643565	Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội		tr.60-81	2022
56	Chiến lược cân bằng nước lớn của ASEAN và nhân tố Ấn Độ	01	X	Kỷ yếu HT Khoa học quốc tế: <i>Quan hệ quốc tế thời hiện đại: những vấn đề mới đặt ra</i> Đỗ Thanh Bình, Văn Ngọc Thành (đồng chủ biên)	Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia		tr.86-111	2012
SÁCH CÁ NHÂN VÀ CHỦ BIÊN XUẤT BẢN TRONG NƯỚC								
57	Quan hệ Australia- ASEAN hai thập niên đầu thế kỷ XXI	05	Chủ biên		Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội			2021
58	Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ-Trung Quốc ở Đông Nam Á	07	Chủ biên		Hà Nội: Nxb. Thế giới			2021
59	Hợp tác an ninh phi truyền thống trên biển ở Đông Nam Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam	05	Chủ biên		Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội			2019
60	Biến đổi chính trị, kinh tế ở Myanmar từ 2011 đến nay: Bối cảnh, nội dung và tác động	12	Chủ biên		Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội			2015
61	ASEAN trong chính sách hướng Đông	01	X		Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội			2013

của Ấn Độ							
-----------	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **03 bài** (từ bài số 7 đến bài số 9); **01 cuốn sách viết chung với 1 tác giả khác** do Nxb. uy tín Routledge ấn hành (số **10**); và **02 chương sách** được xuất bản bởi Nxb. uy tín Routledge ấn hành (số **11** và số **12**).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

(1) Năm học 2016-2017: Mới đạt 60/67,5 giờ, thiếu: 7,5 giờ;

(2) Năm học 2018-2019: Mới đạt 66/67,5 giờ, thiếu: 1,5 giờ;

(3) **Tổng thiếu: 9,0 giờ.**

Đề xuất công trình khoa học bù giờ thiếu nếu phải tính công trình thay thế trực tiếp:

(1) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (chủ nhiệm): *50 năm quan hệ Việt Nam-Australia* (HĐ số 228/HĐKH-KHXH ngày 22/12/2020 của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: 2023-62-0184/NS-KQNC. Nghiệm thu ngày 15/12/2022 đạt loại xuất sắc)

(2) Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Võ Xuân Vinh (2023), *50 năm quan hệ chính trị Việt Nam-Ấn Độ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế do Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á tổ chức: *50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam-Ấn Độ: hình lại và hướng tới* (Phạm Cao Cương và Phan Cao Nhật Anh chủ biên), Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội, tr.54-67, ISBN: 9786043644487(**thứ tự công trình: [54]**).

(3) Bài báo quốc tế: Vo Xuan Vinh (2018), *The South China Sea in India's Perception of Indo-Pacific*, World Focus, No.460, pp.46-52, ISSN: 2230-8458, (**thứ tự công trình: [19]**).

(4) Bài báo quốc tế: Vo Xuan Vinh (2016), *India's Act East Policy - A Perspective from Vietnam*, World Focus, No.443, pp.45-52, ISSN: 2230-8458, (**thứ tự công trình: [20]**).

(5) Bài báo uy tín trong nước: Võ Xuân Vinh (2020), *Chính sách của Australia đối với vấn đề Biển Đông*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1, tr.18-26, ISSN: 0868-2739, (**thứ tự công trình: [33]**).

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không thiếu khi tính giờ chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mức giờ chuẩn cho GV thỉnh giảng là 135/270).

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: **Không thiếu**

+ Đã hướng dẫn chính (UV chức danh PGS):

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học: Không thiếu

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì: (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: CTKH ; CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Võ Xuân Vinh